

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỢP TIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 187a /QĐ-UBND

Hợp Tiến, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2023 trình hội đồng
nhân dân xã Hợp Tiến

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của cán bộ Kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2023 trình hội đồng
nhân dân xã Hợp Tiến (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Kế toán ngân sách xã và các bộ phận
có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã
- Như điều 3,
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Tuấn



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình HĐND)

Biểu số 103/CK TC-NSNN

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2023	Nội dung	Dự toán năm 2023
Tổng số thu	5.366.500	Tổng số chi	5.366.500
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	210.000	I. Chi đầu tư phát triển	750.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	887.000	II. Chi thường xuyên	4.531.100
III. Thu bổ sung	4.269.500	III Dự phòng, Tiết kiệm	85.400
- Bổ sung cân đối	4.269.500		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị: 1,000 đồng

STT A	NỘI DUNG B	ƯỚC THỰC HIỆN năm 2022		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5-3/1	THU NSX 0-4/2
I	Các khoản thu 100%		28.641.812	0	5.366.500		19%
	Phí, lệ phí		230.558	0	210.000		91%
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		10.000		10.000		100%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		196.936		170.000		86%
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		23.622		30.000		127%
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)		10.272.949	0	887.000		9%
I	Các khoản thu phân chia		344.913		105.000		30%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		46.326		30.000		65%
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		9.100		9.000		99%
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		276.877		50.000		18%
	Thuế thu nhập cá nhân		12.610		16.000		127%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		9.928.036		782.000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		761.000				0%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		17.377.305		4.269.500		25%
	Thu bổ sung cân đối ngân sách		2.635.300		4.269.500		162%
	Thu bổ sung có mục tiêu		14.742.005				0%

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023
(Dự toán trình HĐND)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
TỔNG SỐ										
1	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng									
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhánh thôn Cao Đồi (đoạn từ ông Hương đến ông Sào)	2.023	125	75	0	0	50	0	50	0
	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nhánh thôn Dầu Bến	2.023	1650	1.152,5	0	0	100		100	
	Nâng cấp, mở rộng đường hiệu nghĩa thôn Dầu Bến (đoạn từ công ông Độ đến nghĩa trang nhân dân thôn Dầu Bến)	2.023	1400	1.120,0			100		100	
	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông nội đồng thôn La Đồi	2.023	1725	815,0			125		125	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường phía tây thôn Tè	2.023	1400	1.070,0			100		100	
	Nâng cấp đường trục giữa làng thôn Tè (đoạn từ anh Vĩnh đến nhà bà Mít)	2.023	1400	1100			200		200	

